

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06/5/2021

“V/v Ly hôn giữa chị H và anh T”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Lê Thị Nguyệt Hồng.

- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông **Đỗ Công Minh**.

2. Ông **Nguyễn Tấn Đạt**.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Ngọc Duy Linh – thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Bà **Trần Thị Ngọc Tuyền** – kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 512/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2020 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Võ Thị Kim H, sinh năm: 19xx (có mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện G, tỉnh T.

***Bị đơn:*** Phan Văn T, sinh năm 19xx (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện G, tỉnh T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn ly hôn ngày 15/12/2020 và trong suốt quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Võ Thị Kim H trình bày:

Chị và anh T tiến đến hôn nhân vào năm 2014 trên cơ sở tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại xã T, huyện G, tỉnh T theo giấy chứng nhận kết hôn số xx ngày xx/xx/xxxx. Quá trình chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2020

thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do mâu thuẫn do anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, bất đồng quan điểm trong cuộc sống không thể hàn gắn được. Nay tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh T. Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Võ Thúy V, sinh ngày: xx/xx/xxxx và Phan Võ Khánh D, sinh ngày: xx/xx/xxxx. Ly hôn chị H yêu cầu nuôi cả hai con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng/con. Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại bản tự khai và trong suốt quá trình tố tụng bị đơn anh Phan Văn Trí trình bày: Anh thống nhất với lời trình của chị H về thời gian kết hôn và thời gian xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay chị H xin ly hôn anh không đồng ý. Đặt trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn. Về con chung: Ly hôn anh yêu cầu nuôi hai con chung. Anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên ý kiến của mình.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng:* Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Áp dụng điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H. Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Về thủ tục tố tụng:

Chị Võ Thị Kim H khởi kiện yêu cầu được ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: chị Võ Thị Kim H chung sống với anh Phan Văn T từ năm xxxx được Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh T cấp giấy chứng nhận kết hôn số xx ngày xx/xx/xxxx nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Thời gian chung sống đến năm xxxx chị H, anh T phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không quan tâm lo lắng cho gia đình, mâu thuẫn về kinh tế và anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Phía anh T thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Theo chứng cứ chị H cung cấp và qua xác minh của Tòa án thì hiện nay chị H đã dọn ra sống riêng, không còn chung sống với anh T. Tại phiên

tòa hôm nay phía anh T đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị H nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc chị H và anh T thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con chung: Tại phiên tòa hôm nay chị H và anh T đều yêu cầu được nuôi hai con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, qua xác minh tại địa phương về điều kiện nuôi con thì thấy chị H có điều kiện kinh tế để nuôi con, chị H có thu nhập ổn định, còn thu nhập của anh T không ổn định và hiện nay hai cháu còn nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ. Về việc cấp dưỡng nuôi con chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/con, phía anh T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chị H yêu cầu là phù hợp. Do đó cần để chị H chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/con là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nếu sau này chị H, anh T có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con thì sẽ khởi kiện bằng vụ án khác sau ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Nếu sau này chị H, anh T có tranh chấp về tài sản chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác sau ly hôn.

- Về án phí: chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Áp dụng:**

- Các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Xử:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị Kim H và anh Phan Văn T.

2/ Về con chung:

Chị Võ Thị Kim H được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Phan Võ Thúy V, sinh ngày: xx/xx/xxxx và Phan Võ Khánh D, sinh ngày xx/xx/xxxx;

Anh Phan Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/con cho đến khi cháu V, cháu D đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

*Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.”*

Anh Phan Văn T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4/ Về án phí:

Chị Võ Thị Kim H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 843.800 đồng (Tám trăm bốn mươi ba ngàn tám trăm đồng) theo biên lai thu số xxxxxxxx ngày xx/xx/xxxx của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh T. Hoàn lại chị H 543.800 đồng. (Năm trăm bốn mươi ba ngàn tám trăm đồng).

Anh T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện G;
- Chi cục THA.DS huyện G;
- Đương sự;
- UBND xã T, huyện G;
- Lưu hồ sơ, AV;

**LÊ THỊ NGUYỆT HỒNG**

